

TỜ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC

Viên nén bao đường

Neurotrivit

TÊN THUỐC: NEUROTRIVIT

CÁC DẤU HIỆU LƯU Ý VÀ KHUYẾN CÁO KHI DÙNG THUỐC:

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Đề xa tầm tay trẻ em

THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC

Thành phần dược chất:

Vitamin B1 100 mg

Vitamin B6 200 mg

Vitamin B12 200 mcg

Thành phần tá dược: *tinh bột, microcrystalline cellulose, lactose, povidon K30, DST, talc, magnesi stearat, saccharose, gôm arabic, shellac, titan dioxyd, sáp carnauba, sáp ong* vừa đủ .

DẠNG BẢO CHẾ: Viên nén bao đường.

CHỈ ĐỊNH:

Rối loạn thần kinh ngoại vi: Viêm đa dây thần kinh, đau dây thần kinh, đau thần kinh tọa, hội chứng vai – cánh tay, đau lưng – thắt lưng, đau thần kinh liên sườn, đau dây thần kinh sinh ba, tê các đầu chi.

Giảm đau trong đau dây thần kinh.

Bệnh lý thần kinh trong đái tháo đường, do thuốc, do nghiện rượu.

Điều trị hỗ trợ trong đau khớp.

Các rối loạn do thiếu hụt vitamin B1, B6, B12 (bệnh beri-beri, viêm dây thần kinh ngoại vi, thiếu máu nguyên bào sắt, chứng co giật ở trẻ em do thiếu pyridoxin ...)

CÁCH DÙNG, LIỀU DÙNG:

Người lớn: Uống 1 viên x 2 - 3 lần/ ngày.

Hoặc theo sự chỉ dẫn của Thầy thuốc.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH:

Không dùng cho bệnh nhân có tiền sử dị ứng với bất cứ thành phần nào của thuốc.

Phụ nữ có thai và cho con bú, có thể gây hội chứng lệ thuộc pyridoxin cho trẻ.

U ác tính do Vitamin B12 làm tăng trưởng các mô có tốc độ sinh trưởng cao, nên có nguy cơ làm u tiến triển.

Người bệnh cơ địa dị ứng (hen, suyễn, eczema).

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC:

Người có tiền sử nhạy cảm với vitamin B12, người có tiền sử dị ứng với penicillin có thể dị ứng vitamin B1.

Dùng kéo dài vitamin B6 liều cao 200 mg trên 30 ngày có thể bị hội chứng lệ thuộc pyridoxin.

SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

Nên thận trọng khi dùng thuốc trong thời kỳ mang thai, đặc biệt là trong 3 tháng đầu thai kỳ.

Liều cao của vitamin B6 có thể ức chế sự tiết prolactin, nên thận trọng khi dùng cho phụ nữ cho con bú.

ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC:

Không ảnh hưởng của thuốc lên khả năng lái xe, vận hành máy móc.

TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC:

Vitamin B1 có thể làm tăng tác dụng của thuốc chẹn thần kinh cơ.

Pyridoxin làm giảm tác dụng của levodopa trong điều trị bệnh parkinson; điều này không xảy ra với chế phẩm là hỗn hợp levodopa – carbidopa hoặc levodopa – benserazid.

Liều dùng 200 mg/ngày có thể gây giảm 40 – 50 % nồng độ phenytoin và phenobarbital trong máu ở một số người bệnh.

Pyridoxin có thể làm nhẹ bớt trầm cảm ở phụ nữ uống thuốc tránh thai.

Thuốc tránh thai uống có thể làm tăng nhu cầu về pyridoxin.

Sự hấp thu của vitamin B12 từ đường tiêu hóa có thể bị giảm bởi neomycin, aminosalicyclic acid, chất đối kháng thụ thể histamin H2, và colchicin. Nồng độ trong huyết thanh có thể bị giảm do sử dụng đồng thời với thuốc ngừa thai. Chloramphenicol dạng thuốc tiêm có thể làm giảm tác dụng của vitamin B12 ở người bệnh thiếu máu.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC:

Vitamin B1:

ADR của vitamin B1 rất hiếm và thường theo kiểu dị ứng.

Bình thường do vitamin B1 tăng cường tác dụng của acetylcholin nên một số phản ứng da có thể coi như phản ứng dị ứng.

Hiếm gặp, ADR < 1/100

Toàn thân: Ra nhiều mồ hôi, sốt quá mẫn.

Tuần hoàn: Tăng huyết áp cấp.

Da: Ban da, ngứa, mày đay.

Hô hấp: Khó thở.

Vitamin B6:

Vitamin B6 thường không độc. Dùng vitamin B6 kéo dài với liều 10 mg/ngày được cho là an toàn nhưng dùng vitamin B6 trong thời gian dài với liều 200 mg hoặc hơn hàng ngày có thể gây bệnh về thần kinh.

TKTW: Đau đầu, lơ mơ buồn ngủ.

Nội tiết và chuyển hóa: Nhiễm acid, acid folic giảm.

Tiêu hóa: Buồn nôn và nôn.

Gan: AST tăng.

Thần kinh – cơ: Dùng liều 200 mg/ngày và dài ngày (trên 2 tháng) có thể gây viêm thần kinh ngoại vi nặng, tiến triển từ đáng đi không vững và tê cứng bàn chân đến tê cứng và vụng về bàn tay. Tình trạng này có thể phục hồi khi ngừng thuốc, mặc dù vẫn còn để lại ít nhiều di chứng.

Khác: Phản ứng dị ứng.

Vitamin B12:

Hiếm gặp các tác dụng không mong muốn như phản vệ, sốt, phản ứng dạng trứng cá, nổi mày đay, ngứa, đỏ da.

Thông báo ngay cho bác sỹ hoặc dược sỹ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ :

Bệnh nhân dùng vitamin B6 liều cao 2 – 7 g/ngày (hoặc trên 0,2 g/ngày trong hơn 2 tháng) làm tiến triển bệnh thần kinh giác quan kèm các triệu chứng mất điều hòa và tê cứng chân tay. Các triệu chứng này sẽ giảm bớt trong 6 tháng khi ngưng sử dụng vitamin B6.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:

Hộp 5 vỉ x 10 viên.

Hộp 10 vỉ x 10 viên.

Chai 100 viên.

Chai 200 viên..

ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN, HẠN DÙNG, TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG CỦA THUỐC

Bảo quản: Nơi khô mát, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh sáng.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn: TCCS.

TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT:

PHAPHARCO

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC & VẬT TƯ Y TẾ BÌNH THUẬN

192 Nguyễn Hội, P. Phú Trinh, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.

Điện thoại: (0252) 3823144 * Fax: (0252) 3823144